**LUYỆN TẬP CHUNG**

**TOÁN**

**-- 154 --**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thực hiện tính được diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông khi biết độ dài các cạnh.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Bảng phụ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành:  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Tính diện tích hình vuông có cạnh là 7 cm ?  + Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài la 6 cm, chiều rộng là 3 cm?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập:**  **(15-20’)**  **-** Mục tiêu:  + Thực hiện tính được diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông khi biết độ dài các cạnh.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành:  **Bài 1/T90**  a,GV cho HS làm bài vào vở.  - GV Mời HS khác nhận xét.  - HS nhắc lại quy tắc tính chu vi, tính diện tích hình chữ nhật.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  b, Tương tự như ý a.  - GV: chốt đáp án  Chu vi hình vuông là:  6 x4 = 24( cm)  Diện tích hình vuông là:  6 x 6 = 36 (cm2)  - HS nhắc lại quy tắc tính chu vi, tính diện tích hình chữ nhật.  - Khi tính chu vi hình chữ nhật , chu vi hình vuông cần chú ý về đơn vị đi diện tích và đơn vị khi tính chu vi.  **Bài 2/T90**  - Tìm số đo thích hợp cho mỗi ô trong bảng dưới đây:  - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” về tính chu vi, diện tích hình vuông và hình chữ nhật.  + Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì chu vì bằng ?  + Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì diện tích bằng ?  + Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì chu vì bằng ?  + Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì diện tích bằng ?  + Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì chu vì bằng ?  + Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì diện tich bằng ?  **4. Hoạt động vận dụng: (5’)**  - Mục tiêu:  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thưc tế.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  - Cách tiến hành:  **Bài 3/T90**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV cùng HS cùng phân tích bài toán:  + Mỗi ô vuông có cạnh bằng bao nhiêu xăng -ti - mét ?  + Chiều rộng hình chữ nhật ?  + Qua quan sát các em thấy Chiều dài được ghép bởi mấy ô vuông ?  + Chiều dài hình chữ nhật ?  + Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm như thế nào?  - GV cho học sinh làm bài vào vở.  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét tuyên dương.  **4. Củng cố, dặn dò: (3’)**  - GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơi  + 7 x 7 = 49 (cm2)  + 6 x 3 = 18 (cm2)  - HS lắng nghe.  - HS lên bảng làm bài.  - Chu vi hình chữ nhật là:  (6 + 8) x 2 = 28 (cm)  - Diện tích hình chữ nhật là:  6 x 8 = 48 (cm2)  + 1 HS đọc quy tắc.  - HS lắng nghe  + 1 HS quy tắc.  + HS lắng nghe.  - Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì chu vì bằng ?  - Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì diện tích bằng ?  - Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì chu vì bằng ?  - Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì diện tích bằng ?  - Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì chu vì bằng ?  - Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì diện tich bằng ?  - Mỗi ô vuông có cạnh bằng 40 cm.  - Chiều rộng hình chữ nhật: 80 cm (2 ô vuông).  - Chiều dài được ghép bởi 5 ô vuông.  - Chiều dài hình chữ nhật là:  40 x 5 = 200 cm.  - 1 HS nêu quy tắc.  - 1 HS lên bảng trình bày |

**Điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**TOÁN**

**-- 154 --**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Bảng phụ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành:  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật có chiều rộng là 4 cm, chiều dài là 8 cm ?  + Câu 2: Tính chu vi, diện tích hình vuông có cạnh là 8 cm  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới.  **2. Hoạt động thực hành luyện tập:**  **(20-22’)**  **-** Mục tiêu:  + + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành:  **Bài 4/T91**  - Yêu cầu học sinh đọc đề bài.  - GV và HS cùng tìm hiểu bài toán:  + Trung tâm thể dục thẩm mĩ có những phòng nào?  + Đầu bài yêu cầu gì?  **-** GV cho HS làm nhóm 2 trên phiếu học tập.  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.HS lên chỉ trên màn hình và nói.  - GV Mời HS khác nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  *=> GV kết luận:* Để so sánh diện tích của các phòng ta có thể so sánh bằng trực quan, nhưng để chính xác hơn thì nên so sánh qua đơn vị đo diện tích.  **Bài 5/T91**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài.  - GV và HS cùng tìm hiểu bài toán:  + Bài toán yêu cầu gì ?  + Theo em muốn biết hình A có đủ để dán thành hình B không em ?  - GV mời HS trình bày kết cách làm. HS lên chỉ trên màn hình và nói.  - GV Mời HS khác nhận xét.  - GV Nhận xét từng bài, tuyên dương.  + Có những hình khác nhau nhưng diện tích bằng nhau.  **3. Hoạt động vận dụng: (7’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  - Cách tiến hành:  **Bài 6/T91**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài.  - Cho HS quan sát mẫu trong tranh.  - Em thấy gì trong tranh ?  - Em có nhận xét gì về chu vi, diện tích của hai hình chữ nhật đó ?  - Thảo luận nhóm đôi tạo lập ra những hình chữ nhật có chu vi bằng nhau nhưng diện tích khác nhau.  - Các nhóm trình bày.  - GV và HS nhận xét.  **4. Củng cố, dặn dò: (3’)**  - GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia trò chơi  + (4 + 8) x 2 = 24 cm.  + 4 x 8 = 32 cm2  + 8 x 4 = 32 cm  + 8 x 8 = 64 cm2  - HS lắng nghe.  + 1 HS đọc đề bài.  + HS cùng tìm hiểu bài toán với GV.  + Trung tâm thể dục thẩm mĩ có các phòng: phòng tập yoga, phòng tập thể hình, phòng xông hơi, phòng tập nhảy.  + a, Phòng nào có diện tích lớn nhất?  + b, Phòng nào có diện tích nhỏ nhất?  + Các nhóm làm bài vào phiếu học tập:  - a, Phòng có diện tích lớn nhất là phòng tập yoga.  - b, Phòng có diện tích nhỏ nhất là phòng xông hơi.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  + 1 HS Đọc đề bài.  + HS cùng tìm hiểu bài toán với GV.  - Theo em miếng đề can ỏ hình A có đủ để dán thành hình B không ?  + Hình A có đủ ô vuông để dán vào hình B.  + HS: Em sẽ đếm số ô vuông cần có để dán vào hình B là 12 ô vuông, 12 ô vuông này ghép thành hình chữ nhật có chiều rộng là 3 ô vuông, chiều dài là 4 ô vuông. Sau đó em đếm số ô vuông hình Ở Hình A tương tự như ở hình B. Như vậy em sẽ có một hình chữ nhật có chiều rộng là 3 ô vuông và chiều dài là 4 ô vuông để ghép vào hình B.  - HS nhận xét.  - HS đọc yêu cầu  - Bạn nam trong đã dùng dây để căng hai hình chữ nhật.  + Hình A: chiều dài: 5 cm, chiều rộng: 3 cm. Có chu vi: 16cm. Diện tích: 15 cm2  + Hình B: chiều dài: 6 cm, chiều rộng, chu vi: 16 cm, diện tích: 12 cm2  - Chu vi của hai hình chữ nhật bằng nhau, Diện tích của hai hình chữ nhật đó lại khác nhau.  - HS: + Chiều dài: 5 cm, chiều rộng: 4 cm. Có chu vi: 18 cm. Diện tích: 20 cm2.  + Chiều dài: 7 cm, chiều rộng: 2 cm. Có chu vi: 18 cm. Diện tích: 14 cm2. |

**Điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................